

Bản án số: 205/2021/DS-PT

Ngày: 22/11/2021

V/v: “*Chia di sản thừa kế và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Thi

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tào

Bà Lê Thúy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc: “*Chia di sản thừa kế và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1956; trú tại: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- ***Bị đơn:***

Anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị H; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị L; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L, bà Trần Thị H: Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

*Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn N - Chủ tịch. Vắng mặt.*

2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

*Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Đức N, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt*

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Quảng Bình.

*Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H – Trưởng bộ phận đăng ký đất đai. Vắng mặt.*

4. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình.

*Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn K – Giám đốc. Vắng mặt.*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trung H (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

*Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Đ.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:***

*Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:*

Bố ông Đ là cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1910, thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1943, cụ T lập gia đình với mẹ ông Đ là cụ Nguyễn Thị D sinh năm 1913. Do sinh sống đã lâu chưa có con nên bố mẹ ông Đ thống nhất để cụ T lấy cụ Nguyễn Thị T sinh năm 1918 làm vợ bé. Cả 2 bà đều không đăng ký kết hôn với cụ T. Cụ T có con riêng là bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1951), cụ T và cụ T có 02 người con chung Nguyễn Thị N (sinh năm 1955 đã chết), Nguyễn Thị L (sinh năm 1958 đã chết). Cụ T và cụ D chỉ có người con duy nhất là ông Nguyễn Trọng Đ. Hai chị em N, L mất năm 1972 vì Bom đạn của Mỹ. Cụ T sinh sống tạo lập vườn đất với cụ T từ năm 1955 đến năm 1986 (hơn 30 năm) thì cụ T mất, cụ T sinh sống một mình trên mảnh đất, toàn bộ tài sản cụ T để lại cho cụ T trông coi sản xuất. Năm 2006 bà Nguyễn Thị L cùng anh T là con trai bà L đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của ông Đ. Ông Đ chỉ chấp nhận cho anh T một nửa thửa đất. Đến năm 2017, Ủy ban

nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận mới mang tên anh T, chị H do bà L và chồng là ông N làm hợp đồng tặng cho. Mẹ ông Đ là cụ Nguyễn Thị D mất năm 2011. Cụ Nguyễn Thị T mất năm 2012. Năm 2007 ông Đ đã có khiếu nại và UBND xã Đ đã hòa giải nhưng sau đó không thành. Ông Đ đã làm đơn khiếu nại nhiều lần lên các cấp chính quyền nhưng không thành nên làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Anh Nguyễn Văn T đã làm hồ sơ đất không đúng nguồn gốc để được cấp sổ đỏ và hiện đã làm 03 tách thửa là vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật về thừa kế, nên ông Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình chia di sản thừa kế do cha đẻ là cụ Nguyễn Văn T và mẹ kế là cụ Nguyễn Thị T để lại là thửa đất số 554 tờ bản đồ số 4 diện tích 983m<sup>2</sup> đo đạc năm 2007 tại thôn Đ, xã Đ, huyện B theo hình thức thừa kế theo pháp luật (định giá theo giá thị trường khoảng 01 tỷ đồng). Nếu như anh T, chị H nhượng lại ông Đ lô đất thửa số 882 diện tích 284m<sup>2</sup> thì ông Đ sẽ rút đơn khởi kiện. Nếu bị đơn không đồng ý thì đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật cho ông Đ và bà L là đồng hàng thừa kế mỗi người một nửa. Đồng thời yêu cầu hủy các giấy chứng nhận QSD số CL 937354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15 tháng 6 năm 2017 mang tên ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L; Giấy chứng nhận QSD số CP 629751 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17 tháng 10 năm 2018 mang tên anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị H tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04 (nay đã tách ra làm 03 thửa là các thửa số 882, 883, 884, tờ bản đồ số 04) tại thôn Đ, xã Đ, huyện B.

***Tại các bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Thửa đất số 554 tờ bản đồ số 4 diện tích 983m<sup>2</sup> của mẹ bà L là cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1918 tạo lập khai hoang. Thửa đất này có từ trước năm 1954 là trước khi cụ T về sinh sống. Hai mẹ con bà L sinh sống trên thửa đất này. Trước đó cụ T đã có gia đình và vợ riêng, cụ chỉ theo mẹ bà L về ở chung, sau đó cụ T và cụ T sinh được hai người con chung nhưng đều mất năm 1972 vì bom đạn Mỹ. Năm 1956 cụ T quay về với cụ D sinh được ông Nguyễn Trọng Đ (1956) sau khi sinh ra ông Đ cụ T quay về sống với mẹ bà, thời điểm đó cụ T qua lại với cụ D và cụ T. Đến năm 1986 thì cụ T mất. Mẹ con bà L là người chăm sóc cụ T từ lúc ông quay lại sinh sống đến lúc ông mất. Năm 1986 sau khi cụ T mất ông Đ mới nhận cụ T là cha đẻ. Cụ T mất không hề để lại di chúc và tài sản gì. Cụ T ở với cụ T cũng không có giấy tờ chứng nhận gì của chính quyền địa phương mà chỉ đến ở với nhau. Năm 1998 thì cụ T được chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã Đ cấp sổ hộ khẩu gia đình số 229 mang tên Nguyễn Thị T là chủ hộ và có con đẻ sống cùng là Nguyễn Thị L sinh năm 1951. Ông Đ là con riêng cụ T còn bà L là con riêng cụ T, vì vậy bà L và ông Đ không có mối quan hệ ruột thịt. Cha ông Đ là cụ T về theo cụ T chứ tài sản không liên quan đến ông Đ nên ông không có quyền

đòi chia tài sản thừa kế của cụ T. Sau khi mẹ mất đã giao lại thửa đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn N. Năm 2017, vợ chồng bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 554 tờ bản đồ số 4. Đến năm 2018 vợ chồng bà L, ông N tặng cho vợ chồng con trai là anh T, chị H thửa đất số 554 tờ bản đồ số 4 nói trên do vợ chồng anh H có công chăm sóc nuôi dưỡng bà ngoại Nguyễn Thị T. Ông Đ đã có gia đình riêng, có nhà ở đất đai riêng. Lúc bố ông Đ mất cũng không có để lại cho ông Đ tài sản đất đai gì liên quan đến đất của anh T, chị H đang ở nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế. Ông Đ đã nhiều lần khiếu kiện lên cấp trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Đ về việc chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Tại các bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị H trình bày:*

Thửa đất này là do bà ngoại anh T là cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1918 tạo lập khai hoang. Cụ T chỉ về ở chung với cụ T đến năm 1986 thì mất chứ không có công sức gì. Bà ngoại anh T sống một mình canh tác sản xuất trên thửa đất đến năm 1998 thì được chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã Đ cấp sổ hộ khẩu gia đình số 229 mang tên Nguyễn Thị T là chủ hộ và có con đẻ sống cùng là bà Nguyễn Thị L sinh năm 1951. Anh T sinh sống trên mảnh đất này cùng bà ngoại là cụ T từ năm 2005 sau khi lập gia đình và chăm sóc cụ T đến năm 2011 thì bà mất. Bà ngoại qua đời để lại mảnh đất cho bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L. Năm 2017 thì ông N, bà L làm tờ trình và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 554 tờ bản đồ số 4. Hồ sơ cấp hợp lệ và được niêm yết công khai ở Ủy ban nhân dân xã Đ. Đến năm 2018 ông N, bà L tặng cho vợ chồng anh T thửa đất số 554 tờ bản đồ số 4 nói trên do vợ chồng anh có công chăm sóc nuôi dưỡng bà ngoại Nguyễn Thị T. Ông Đ đã có gia đình riêng, có nhà ở đất đai riêng. Lúc bố ông Đ mất cũng không có để lại cho ông Đ tài sản đất đai gì liên quan đến đất anh T, chị H đang ở nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế. Ông Đ đã nhiều lần khiếu kiện lên cấp trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh chị.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình anh T, chị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Đ, về việc chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ, huyện B trình bày tại biên bản hòa giải lần hai:*

Ủy ban xã mong các bên đương sự hòa giải nhưng hai hộ gia đình không nhất trí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện B trình bày tại Công văn số 1943/UBND ngày 02/12/2020:*

Ngày 20/07/2017, ông, bà Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị L, thường trú tại thôn Đ, xã Đ có đơn đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ địa chính số 04 xã Đ. Đến ngày 11/8/2017, UBND xã Đ xét đơn đề nghị và căn cứ Phiếu ý kiến khu dân cư thì UBND xã Đ đã tiến hành họp lấy ý kiến để xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho ông, bà Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị L. Theo biên bản họp xét của UBND xã Đ thì nguồn gốc sử dụng đất là khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1986. Sau đó đã tiến hành công khai tại UBND xã Đ và thôn Đ kể từ ngày 12/8/2017 đến ngày 27/8/2017. Trong thời gian công khai không có khiếu nại, khiếu kiện gì đối với nội dung được công khai.

Sau khi kết thúc công khai, UBND xã đã hoàn thiện hồ sơ và gửi đến UBND huyện đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 30/10/2017, UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CI 937354, số vào sổ cấp giấy CH 12164 đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ địa chính số 04, diện tích 983m<sup>2</sup> cho ông, bà Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị L.

Đến năm 2018, ông, bà Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị L đã tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ địa chính 04, diện tích 983m<sup>2</sup> cho ông, bà Nguyễn Văn T – Trần Thị H được UBND xã Đ chứng thực theo số 319/2018, quyền số 01/2016 SDT/HĐGH ngày 25/9/2018 và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành CP 629751 đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ địa chính 04 xã Đ cho ông, bà Nguyễn Văn T - Trần Thị H vào ngày 17/10/2018.

Đối chiếu quy định thì hiện nay ông, bà Nguyễn Văn N – Nguyễn Thị L đã chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người khác nên nhà nước không thực hiện thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận. Do đó, quan điểm của UBND huyện là đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình trình bày tại Công văn số 524/VPĐKĐĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020:*

Ngày 01/10/2018, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động đất đai do nhận tặng cho quyền sử dụng đất và đề nghị cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B (do nhận tặng cho QSD đất của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951, sổ hộ khẩu 021608 trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B) đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04, diện tích 983,0m<sup>2</sup>, địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ; ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân huyện B cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2017, số phát hành CI 937354 tại thửa đất đã tặng cho quyền sử dụng đất nói trên.

Theo hồ sơ đăng ký biến động đất đai thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông, bà Nguyễn Văn N - Nguyễn Thị L với ông, bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H đã được UBND xã Đ chứng thực ngày 25/09/2018. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật Đất Đai 2013; Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 21 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 17/05/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình, thì việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông, bà Nguyễn Văn N - Nguyễn Thị L với ông, bà Nguyễn Văn T – Trần Thị H đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trên cơ sở đó Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập hồ sơ chuyển Văn phòng Đăng ký đất đai trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận QSD đất cho người nhận quyền sử dụng đất đã đăng ký là ông, bà Nguyễn Văn T – Trần Thị H (Giấy chứng nhận số phát hành CP 629751, số vào sổ cấp GCN CS 12893, thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04, diện tích 983,0m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện B ký ngày 17/10/2018).

Ngày 01/01/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B tiếp nhận đăng ký biến động đất đai do tách thửa (thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04) và đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H.

Căn cứ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai 2013; Điều 75 Nghị định 43/2014 NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 6 quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình, Điều 31 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình, thì hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng do tách thửa đảm bảo đủ điều kiện theo quy định. Trên cơ sở đó, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập hồ sơ chuyển văn phòng đăng ký đất đai trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông, bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H ngày 04/12/2018 (Giấy chứng nhận số phát hành CP 631551, số vào sổ cấp GCN CS 12980, thửa đất số 882, tờ bản đồ số 04, diện tích 284,0m<sup>2</sup>; Giấy chứng nhận số phát hành CP 631552, số vào sổ cấp GCN CS 12979, thửa đất số 883, tờ bản đồ số 04, diện tích 288,0m<sup>2</sup>; Giấy chứng nhận số phát hành CP 631553, số vào sổ cấp GCN CS 12978, thửa đất số 884, tờ bản đồ số 04, diện tích 411,0m<sup>2</sup>).

Như vậy, việc đăng ký biến động đất đai của người sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Văn T – Trần Thị H do nhận tặng cho QSD đất, tách thửa đất, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đúng quy định pháp luật, nay ông Nguyễn Trọng Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông, bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án nhân

dân tỉnh Quảng Bình tuyên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông, bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H.

Đối với hồ sơ nhận thừa kế QSD đất, việc phán quyết văn bản phân chia di sản thừa kế có vi phạm pháp luật hoặc đúng pháp luật là thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp hoặc giữ nguyên Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp căn cứ vào bản án xét xử của Tòa án về nội dung này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B trình bày:*

- Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Nguyễn Văn N - Nguyễn Thị L; địa chỉ thường trú Thôn Đ, xã Đ, Huyện B: Ngày 19/9/2017 ông Nguyễn Văn N nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L tại thửa đất số 554, tờ bản đồ 04, diện tích 983m<sup>2</sup>; Đất trồng cây hằng năm khác (đất vườn) 733m<sup>2</sup>; Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã ngày 28/8/2017; kèm theo hồ sơ có phiếu lấy ý kiến khu dân cư xác nhận gia đình khai hoang năm 1986; Thời điểm sử dụng đất năm 1986 và Văn bản họp xét của Ủy ban nhân dân Xã, danh sách công khai, kết thúc công khai theo quy định. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ ký duyệt ngày 16/10/2017 lập hồ sơ trình Phòng tài nguyên và Môi trường Huyện. Phòng TNMT huyện có tờ trình số 6159/TTr-TNMT ngày 30/10/2017 trình UBND Huyện ký cấp giấy chứng nhận QSD đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Ông bà Nguyễn Văn N- Nguyễn Thị L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 937354.

- Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Nguyễn Văn T - Trần Thị H. Ngày 01/10/2018, ông Nguyễn Văn T nộp hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bên tặng cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L; Bên nhận tặng cho ông Nguyễn Văn T bà Trần Thị H; quyền sử dụng đất tặng cho tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; diện tích 983m<sup>2</sup>; trong đó đất ở 250m<sup>2</sup>; đất trồng cây hàng năm khác (đất vườn) 733m<sup>2</sup>; số phát hành giấy chứng nhận số CI 937354, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH12161, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/10/2017.

Hợp đồng chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 25/09/2018; số chứng thực 319/2018 quyền số 01/2016 SCT/HĐGD.

Ngày 12/10/2018, chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B lập tờ trình số 3679/TTr-CNVBĐK trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông bà Nguyễn Văn T

- Trần Thị H theo giấy chứng nhận đã viết số phát hành CP629754; Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 17/10/2018.

Ngày 01/11/2018, ông bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất đối với thửa đất số 554 tờ bản đồ số 04. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đã thực hiện đo đạc tách thửa đất trên thành 03 thửa đất theo yêu cầu của chủ sử dụng đất và lập hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ trình số 4535/TTr-CNVPĐK ngày 30/11/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường ký giấy chứng nhận ngày 04/12/2018 mang tên ông bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H cụ thể:

Thửa đất số 882; tờ bản đồ số 04; Diện tích 284m<sup>2</sup>; Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CP631551; trong đó đất ở: 60m<sup>2</sup>; Đất trồng cây hàng năm khác (đất vườn) 224m<sup>2</sup>.

Thửa đất số 883; tờ bản đồ số 04; Diện tích 288m<sup>2</sup>; Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CP631552; trong đó đất ở 60m<sup>2</sup>; Đất trồng cây hàng năm khác (đất vườn) 228m<sup>2</sup>.

Thửa đất số 884; tờ bản đồ số 04; Diện tích 411m<sup>2</sup>; Số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CP631553; trong đó đất ở: 130m<sup>2</sup>; Đất trồng cây hàng năm khác (đất vườn) 281m<sup>2</sup>.

Căn cứ Luật Đất đai 2013 các văn bản quy định thực hiện Luật Đất đai việc trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Nguyễn Văn N- Nguyễn Thị L; và ông bà Nguyễn Văn T- Trần Thị H nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tách thửa đất Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B thực hiện đúng quy định.

Đối với những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện B không có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

***Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:***

Căn cứ các Điều 34, 147, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 651, 654 Bộ luật Dân sự; Điều 97, 100, 203 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Đ về yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04 (nay là các thửa số 882, 883,



884, tờ bản đồ số 04) tại thôn Đ, xã Đ, huyện B theo hình thức thừa kế theo pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng Đ về việc hủy các giấy chứng nhận QSD số CL 937354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15 tháng 6 năm 2017 mang tên ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L; Giấy chứng nhận QSD số CP 629751 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17 tháng 10 năm 2018 mang tên anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị H tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04 (nay đã tách ra làm 03 thửa là các thửa số 882, 883, 884, tờ bản đồ số 04) tại thôn Đ, xã Đ, huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2021 ông Nguyễn Trọng Đ là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 26/5/2021 về việc “*Chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình*”. Lý do kháng cáo ông Đ cho rằng nguồn gốc thửa đất số 554, tờ bản đồ số 4, diện tích 983m<sup>2</sup> (đo đạc năm 2007) tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình là của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T (tức Tứ) là bố ruột và mẹ kế của ông Đ để lại. Nguồn gốc trước đó là do ông bà để lại cho ông T, bà T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Đ là không đúng pháp luật, nay ông kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ giữ nguyên kháng cáo.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Trọng Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Xem xét về mối quan hệ gia đình và những người thừa kế của cụ Nguyễn Văn T, cụ Nguyễn Thị D và cụ Nguyễn Thị T (Tứ) xét thấy: Cụ Nguyễn Văn T lấy

cụ Nguyễn Thị D vào năm 1943 sinh ra ông Nguyễn Trọng Đ năm 1956, năm 1955 do cụ D chưa có con nên cụ T lấy cụ Nguyễn Thị T (tức cụ Tứ) làm vợ bé, cụ T trước đó có một người con riêng là bà Nguyễn Thị L, sau khi làm vợ bé cụ T thì cụ Tứ sinh được 02 người con là Nguyễn Thị N sinh năm 1955 đã chết năm 1972 và Nguyễn Thị L sinh năm 1958 chết năm 1972, đều chưa có chồng con.

Như vậy, quan hệ gia đình của cụ tính gồm có 02 vợ, con của cụ T với cụ D có ông Nguyễn Trọng Đ, con riêng của cụ T có bà Nguyễn Thị L. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T bao gồm cụ D (vợ chính, đã chết trước cụ T) cụ T và ông Đ, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T là bà Nguyễn Thị L (con riêng của cụ T). Như vậy, cụ T lấy cụ D và cụ T đều trước Luật Hôn nhân Gia đình năm 1959 do vậy quan hệ hôn nhân giữa cụ T, cụ D và cụ T là hợp pháp.

[2]. Xem xét di sản của cụ T, cụ D và cụ T xét thấy, theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 thì tài sản của cụ T, cụ D và cụ T là tài sản chung của 3 người. Như vậy, khối tài sản chung của cụ T, cụ D và cụ T gồm có quyền sử dụng 02 thửa đất có tổng diện tích 3.308m<sup>2</sup>. Trước khi cụ T, cụ D mất không có ai để lại di chúc, nhà đất tại thửa số 802, tờ bản đồ số diện tích được công nhận 2.325m<sup>2</sup>, hiện do ông Đ quản lý sử dụng, vợ chồng Đ và bà Nguyễn Thị Tuyến (vợ ông Đ) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 531603 ngày 12/12/2012 diện tích 2.325m<sup>2</sup>, sau khi tách thửa cho con là vợ chồng ông Nguyễn Quang Sĩ và bà Nguyễn Thị Nhân diện tích 357m<sup>2</sup> (BL 282-298), diện tích còn lại được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 579332 ngày 06/3/2017 diện tích 1.968m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã Đ. Nhà đất của cụ T với cụ T tại thửa số 554 tờ bản đồ số 4, diện tích 983m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình do vợ chồng bà L và ông N quản lý, sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp chia di sản thì phải chia toàn bộ cả hai thửa đất mới phù hợp, nhưng trên thực tế, ông Đ đang sử dụng 2325m<sup>2</sup>, bà L quản lý sử dụng 983m<sup>2</sup>, đều là di sản thừa kế của 03 cụ, quá trình sử dụng đất của ông Đ cũng như bà L ổn định từ năm 1986 đến nay, hai bên cũng đã được nhà nước công nhận và đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ nhận định nêu trên, xét thấy tại Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa số 554 tờ bản đồ số 4, diện tích 983m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã Đ của ông Nguyễn Trọng Đ là có cơ sở, hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Trọng Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đối với các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 651, 654 Bộ luật Dân sự; Điều 97, 100, 203 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng Đ về yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04 (nay là các thửa số 882, 883, 884, tờ bản đồ số 04) tại thôn Đ, xã Đ, huyện B theo hình thức thừa kế theo pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng Đ về việc hủy các giấy chứng nhận QSD số CL 937354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15 tháng 6 năm 2017 mang tên ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L; Giấy chứng nhận QSD số CP 629751 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17 tháng 10 năm 2018 mang tên anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị H tại thửa đất số 554, tờ bản đồ số 04 (nay đã tách ra làm 03 thửa là các thửa số 882, 883, 884, tờ bản đồ số 04) tại thôn Đ, xã Đ, huyện B.

3. Đối với các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Trọng Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Công Thi**